

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 2433/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
BAN HÀNH DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH CÁC ĐƠN VỊ
HÀNH CHÍNH VÀ SỰ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BTTTT ngày 01 tháng 4 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành”;

Căn cứ Công văn số 3140/BTTTT-KHCN ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn chi tiết công bố hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 44/TTr-STTTT ngày 17 tháng 8 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh sách mã định danh các đơn vị hành chính và sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *như*

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT.VPUBND tỉnh.

65 .

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Ngọc



DANH SÁCH
MÃ ĐỊNH DANH CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
VÀ SỰ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. CẤU TRÚC MÃ ĐỊNH DANH CHUNG

Mỗi cơ quan tham gia trao đổi văn bản điện tử sẽ được cấp phát một mã định danh ở dạng như sau:

$V_1V_2V_3.Z_1Z_2.Y_1Y_2.H53$

Mã định danh có 13 ký tự (bao gồm cả dấu chấm), chia thành bốn nhóm, mỗi nhóm phân tách bởi dấu chấm. Trong đó:

1. Nhóm thứ nhất (H53): là mã định danh của UBND tỉnh Tây Ninh (là đơn vị cấp 1) được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp theo QCVN 102:2016/BTTTT.

2. Nhóm thứ hai (Y_1Y_2):

- Y_1Y_2 xác định đơn vị cấp 2 (gọi là Mã cấp 2).
- Y_1, Y_2 nhận giá trị là một trong các chữ số (từ 0 đến 9).

CHÚ THÍCH: Trường hợp có nhiều hơn 100 đơn vị cấp 2 thì đơn vị cấp 1 đăng ký thêm mã mới cho đơn vị cấp 1 đó sử dụng để cấp mã cho các đơn vị cấp 2 có thứ tự từ 100 trở lên.

- Đơn vị cấp 2 là các cơ quan thuộc, trực thuộc UBND tỉnh, gồm:
 - + Văn phòng, Thanh tra và các Sở;
 - + Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
 - + Các Trung tâm, Viện, Ban chỉ đạo, Ban quản lý, Doanh nghiệp;
 - + Các đơn vị thuộc, trực thuộc tương đương khác.

3. Nhóm thứ ba (Z_1Z_2):

- Z_1Z_2 xác định đơn vị cấp 3 (gọi là Mã cấp 3).
- Z_1, Z_2 nhận giá trị là một trong các chữ số (từ 0 đến 9) hoặc một trong các chữ cái (từ A đến Z, dạng viết hoa trong bảng chữ cái tiếng Anh).
- Đơn vị cấp 3: Tuân tự sử dụng các mã dạng chữ số - chữ số, chữ số - chữ cái, chữ cái - chữ số, chữ cái - chữ cái trong mã cấp 3 Z_1Z_2 .

CHÚ THÍCH: Trường hợp có nhiều hơn 1.296 đơn vị cấp 3 thì đơn vị cấp 1 cấp mã mới cho đơn vị cấp 2 để sử dụng cấp mã cho các đơn vị cấp 3 có thứ tự từ 1.296 trở lên.

- Đơn vị cấp 3 là các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp 2, gồm:

+ Cơ quan thuộc, trực thuộc UBND huyện, thành phố: Văn phòng, các phòng, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, trung tâm, Ban quản lý;

+ Cơ quan thuộc, trực thuộc Sở, Thanh tra, Ban, Viện: Trung tâm, Ban quản lý.

4. Nhóm thứ tư ($V_1V_2V_3$):

- $V_1V_2V_3$ xác định đơn vị cấp 4 (gọi là Mã cấp 4).

- V_1, V_2, V_3 nhận giá trị là một trong các chữ số (từ 0 đến 9).

CHÚ THÍCH: Trường hợp có nhiều hơn 1.000 đơn vị cấp 4 thì đơn vị cấp 1 cấp mã mới cho đơn vị cấp 3 sử dụng để cấp mã cho các đơn vị cấp 4 có thứ tự từ 1.000 trở lên.

- Đơn vị cấp 4 là các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp 3, gồm: Cơ quan thuộc, trực thuộc Trung tâm, Ban quản lý: Văn phòng, Ban, Trung tâm, Chi nhánh.

5. Nguyên tắc đánh mã:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc được đánh mã bắt đầu từ 01, 001, A1, 1A, AB. Các nhóm 00, 000, A0, 0A, AA dùng để dự trữ.

- Trường hợp tách đơn vị:

+ Có 01 (một) đơn vị có tên không thay đổi so với tên trước khi tách thì mã định danh không thay đổi. Các đơn vị được thành lập mới sẽ được cấp mã định danh mới theo quy định;

+ Không có đơn vị trùng tên với đơn vị trước khi tách thì cấp mới mã định danh cho các đơn vị mới được thành lập theo quy định. Mã định danh cũ sẽ bị đóng không cấp lại cho các đơn vị khác.

- Trường hợp nhập các đơn vị:

+ Có 01 (một) đơn vị có tên không thay đổi so với tên trước khi nhập thì mã định danh đơn vị không thay đổi. Mã định danh các đơn vị bị nhập sẽ bị đóng không cấp lại cho các đơn vị khác;

+ Không có đơn vị trùng tên với đơn vị trước khi nhập thì cấp mới mã định danh cho các đơn vị mới được thành lập theo quy định. Mã định danh cũ sẽ bị đóng không cấp lại cho các đơn vị khác.

- Trường hợp các đối tượng khác nếu tham gia trao đổi văn bản điện tử được đánh mã tương đương với các cơ quan, đơn vị trong các cấp tương ứng.

CHÚ THÍCH: Mã định danh được dùng để trao đổi văn bản điện tử là mã được cấp lần đầu tiên. Mã định danh được cấp thêm chỉ được sử dụng để đánh mã cho các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc.

II. MÃ ĐỊNH DANH CÁC ĐƠN VỊ CẤP 2, CẤP 3, CẤP 4

1. Mã định danh các đơn vị cấp 2

1.1. Cơ quan chuyên môn thuộc, trực thuộc UBND tỉnh hoặc tương đương

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Văn phòng UBND tỉnh	000.00.01.H53
2	Sở Công Thương	000.00.02.H53
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	000.00.03.H53
4	Sở Giao thông Vận tải	000.00.04.H53
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	000.00.05.H53
6	Sở Khoa học và Công nghệ	000.00.06.H53
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	000.00.07.H53
8	Sở Ngoại vụ	000.00.08.H53
9	Sở Nội vụ	000.00.09.H53
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.00.10.H53
11	Sở Tài chính	000.00.11.H53
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	000.00.12.H53
13	Sở Thông tin và Truyền thông	000.00.13.H53
14	Sở Tư pháp	000.00.14.H53
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	000.00.15.H53
16	Sở Xây dựng	000.00.16.H53
17	Sở Y tế	000.00.17.H53
18	Thanh tra tỉnh	000.00.18.H53

19	Ban An toàn Giao thông	000.00.19.H53
20	Ban Quản lý các Khu di tích lịch sử Cách Mạng Miền Nam	000.00.20.H53
21	Ban Quản lý Khu Du lịch Quốc Gia Núi Bà Đen	000.00.21.H53
22	Ban Quản lý Khu Kinh tế	000.00.22.H53
23	Ban Quản lý Vườn Quốc Gia Lò Gò Xa Mát	000.00.23.H53

1.2. UBND các huyện, thành phố

STT	UBND các huyện, thành phố	Mã định danh
1	UBND Thành phố Tây Ninh	000.00.30.H53
2	UBND huyện Bến Cầu	000.00.31.H53
3	UBND huyện Châu Thành	000.00.32.H53
4	UBND huyện Dương Minh Châu	000.00.33.H53
5	UBND huyện Gò Dầu	000.00.34.H53
6	UBND huyện Hoà Thành	000.00.35.H53
7	UBND huyện Tân Biên	000.00.36.H53
8	UBND huyện Tân Châu	000.00.37.H53
9	UBND huyện Trảng Bàng	000.00.38.H53

1.3. Đơn vị sự nghiệp thuộc, trực thuộc UBND tỉnh

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh	000.00.40.H53
2	Báo Tây Ninh	000.00.41.H53
3	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Tây Ninh	000.00.42.H53
4	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh	000.00.43.H53

5	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	000.00.44.H53
---	---	---------------

2. Mã định danh các đơn vị cấp 3

2.1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	Văn phòng UBND tỉnh	
1	Ban Tiếp Công dân	000.01.01.H53
2	Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh	000.02.01.H53
II	Sở Công Thương	
1	Chi Cục quản lý thị trường	000.01.02.H53
2	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	000.02.02.H53
3	Trung tâm xúc tiến thương mại	000.03.02.H53
III	Sở Giáo dục và Đào tạo	
1	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh	000.01.03.H53
2	Trường Cao đẳng sư phạm Tây Ninh	000.02.03.H53
3	Trường Khuyết tật tỉnh Tây Ninh	000.03.03.H53
4	Trường Phổ Thông Dân tộc Nội trú	000.04.03.H53
5	Trường THPT Chuyên Hoàng Lê Kha	000.05.03.H53
6	Trường THPT Châu Thành	000.06.03.H53
7	Trường THPT Bình Thạnh	000.07.03.H53
8	Trường THPT Dương Minh Châu	000.08.03.H53
9	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	000.09.03.H53
10	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	000.10.03.H53
11	Trường THPT Lê Duẩn	000.11.03.H53

12	Trường THPT Lê Hồng Phong	000.12.03.H53
13	Trường THPT Lê Quý Đôn	000.13.03.H53
14	Trường THPT Lộc Hưng	000.14.03.H53
15	Trường THPT Lương Thế Vinh	000.15.03.H53
16	Trường THPT Lý Thường Kiệt	000.16.03.H53
17	Trường THPT Ngô Gia Tự	000.17.03.H53
18	Trường THPT Nguyễn An Ninh	000.18.03.H53
19	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	000.19.03.H53
20	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	000.20.03.H53
21	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	000.21.03.H53
22	Trường THPT Nguyễn Huệ	000.22.03.H53
23	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	000.23.03.H53
24	Trường THPT Nguyễn Trãi	000.24.03.H53
25	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	000.25.03.H53
26	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	000.26.03.H53
27	Trường THPT Quang Trung	000.27.03.H53
28	Trường THPT Tân Châu	000.28.03.H53
29	Trường THPT Tân Đông	000.29.03.H53
30	Trường THPT Tân Hưng	000.30.03.H53
31	Trường THPT Tây Ninh	000.31.03.H53
32	Trường THPT Trảng Bàng	000.32.03.H53
33	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	000.33.03.H53
34	Trường THPT Trần Phú	000.34.03.H53
35	Trường THPT Trần Quốc Đại	000.35.03.H53

VI	Sở Khoa học và Công nghệ	
1	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	000.01.06.H53
2	Trung tâm Thông tin, Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	000.02.06.H53
V	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
1	Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	000.01.07.H53
2	Trung Tâm Bảo Trợ Xã Hội tỉnh Tây Ninh	000.02.07.H53
3	Trung tâm Dịch vụ việc làm	000.03.07.H53
4	Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội	000.04.07.H53
5	Trung tâm nuôi dạy trẻ khiếm thị Tây Ninh	000.05.07.H53
6	Trường Cao đẳng Nghề Tây Ninh	000.06.07.H53
7	Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Tây Ninh	000.07.07.H53
8	Trường Trung cấp Nghề Khu vực Nam Tây Ninh	000.08.07.H53
VI	Sở Nội vụ	
1	Ban Tôn giáo	000.01.09.H53
2	Ban Thi đua - Khen thưởng	000.02.09.H53
3	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	000.03.09.H53
VII	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Ban Quản lý khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng	000.01.10.H53
2	Ban Quản lý khu rừng VHLS Chàng Riệc	000.02.10.H53
3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	000.03.10.H53
4	Chi cục Kiểm lâm	000.04.10.H53
5	Chi cục Phát triển nông thôn	000.05.10.H53
6	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy	000.06.10.H53

	sản	
7	Chi cục Thủy lợi	000.07.10.H53
8	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	000.08.10.H53
9	Trung tâm Khuyến nông	000.09.10.H53
10	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	000.10.10.H53
VIII	Sở Tài nguyên và Môi trường	
1	Chi cục Bảo vệ môi trường	000.01.12.H53
2	Chi cục Quản lý đất đai	000.02.12.H53
3	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường	000.03.12.H53
4	Trung tâm Phát triển quỹ đất	000.04.12.H53
5	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	000.05.12.H53
6	Văn phòng Đăng ký đất đai	000.06.12.H53
IX	Sở Thông tin và Truyền thông	
1	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	000.01.13.H54
X	Sở Tư pháp	
1	Phòng Công chứng số 1	000.01.14.H53
2	Phòng Công chứng số 2	000.02.14.H53
3	Phòng Công chứng số 3	000.03.14.H53
4	Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản	000.04.14.H53
5	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tây Ninh	000.05.14.H53
XI	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
1	Bảo tàng tỉnh	000.01.15.H53

2	Đoàn Nghệ thuật tỉnh	000.02.15.H53
3	Thư viện tỉnh	000.03.15.H53
4	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao	000.04.15.H53
5	Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng	000.05.15.H53
6	Trung tâm Văn hóa tỉnh	000.06.15.H53
7	Trung tâm Thông tin Xúc tiến du lịch Tây Ninh	000.07.15.H53
XII	Sở Xây dựng	
1	Thanh Tra Sở	000.01.16.H53
2	Trung tâm Quy hoạch và Giám định chất lượng xây dựng	000.02.16.H53
XIII	Sở Y tế	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh	000.01.17.H53
2	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Tây Ninh	000.02.17.H53
3	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Tây Ninh	000.03.17.H53
4	Bệnh viện Y dược Cổ truyền tỉnh Tây Ninh	000.04.17.H53
5	Chi cục An toàn vệ sinh Thực phẩm	000.05.17.H53
6	Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình	000.06.17.H53
7	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	000.07.17.H53
8	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Tây Ninh	000.08.17.H53
9	Trung tâm Kiểm dịch Y tế Quốc tế	000.09.17.H53
10	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	000.10.17.H53
11	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Tây Ninh	000.11.17.H53
12	Trung tâm Pháp y tỉnh Tây Ninh	000.12.17.H53

13	Trung tâm Y tế thành phố Tây Ninh	000.13.17.H53
14	Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu	000.14.17.H53
15	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	000.15.17.H53
16	Trung tâm Y tế huyện Dương Minh Châu	000.16.17.H53
17	Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu	000.17.17.H53
18	Trung tâm Y tế huyện Hoà Thành	000.18.17.H53
19	Trung tâm Y tế huyện Tân Biên	000.19.17.H53
20	Trung tâm Y tế huyện Tân Châu	000.20.17.H53
21	Trung tâm Y tế huyện Trảng Bàng	000.21.17.H53
22	Trường Trung cấp Y tế tỉnh Tây Ninh	000.22.17.H53

2.2. Các đơn vị thuộc, trực thuộc UBND huyện, thành phố

2.2.1. UBND Thành phố Tây Ninh

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	Cơ quan chuyên môn thuộc, trực thuộc UBND Thành phố Tây Ninh	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	000.01.30.H53
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.02.30.H53
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.03.30.H53
4	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	000.04.30.H53
5	Phòng Nội vụ	000.05.30.H53
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.06.30.H53
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.30.H53
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.30.H53
9	Phòng Tư pháp	000.09.30.H53

10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.30.H53
11	Phòng Y tế	000.11.30.H53
12	Thanh tra huyện	000.12.30.H53
II	Các xã, phường thuộc UBND thành phố Tây Ninh	
1	Phường 1	000.20.30.H53
2	Phường 2	000.21.30.H53
3	Phường 3	000.22.30.H53
4	Phường 4	000.23.30.H53
5	Bình Minh	000.24.30.H53
6	Hiệp Ninh	000.25.30.H53
7	Ninh Sơn	000.26.30.H53
8	Ninh Thạnh	000.27.30.H53
9	Tân Bình	000.28.30.H53
10	Thạnh Tân	000.29.30.H53

2.2.2. UBND huyện Bến Cầu

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	Cơ quan chuyên môn thuộc, trực thuộc UBND huyện Bến Cầu	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	000.01.31.H53
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.02.31.H53
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.03.31.H53
4	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	000.04.31.H53
5	Phòng Nội vụ	000.05.31.H53

6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.06.31.H53
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.31.H53
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.31.H53
9	Phòng Tư pháp	000.09.31.H53
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.31.H53
11	Phòng Y tế	000.11.31.H53
12	Thanh tra huyện	000.12.31.H53
II	Các xã, thị trấn thuộc UBND huyện Bến Cầu	
1	Thị trấn	000.20.31.H53
2	An Thạnh	000.21.31.H53
3	Long Chữ	000.22.31.H53
4	Long Giang	000.23.31.H53
5	Long Khánh	000.24.31.H53
6	Long Phước	000.25.31.H53
7	Long Thuận	000.26.31.H53
8	Lợi Thuận	000.27.31.H53
9	Tiên Thuận	000.28.31.H53

2.2.3. UBND huyện Châu Thành

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	Cơ quan chuyên môn thuộc, trực thuộc UBND huyện Châu Thành	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	000.01.32.H53
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.02.32.H53
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.03.32.H53

4	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	000.04.32.H53
5	Phòng Nội vụ	000.05.32.H53
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.06.32.H53
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.32.H53
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.32.H53
9	Phòng Tư pháp	000.09.32.H53
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.32.H53
11	Phòng Y tế	000.11.32.H53
12	Thanh tra huyện	000.12.32.H53
II	Các xã, thị trấn thuộc UBND huyện Châu Thành	
1	Thị Trấn	000.20.32.H53
2	An Bình	000.21.32.H53
3	An Cơ	000.22.32.H53
4	Biên Giới	000.23.32.H53
5	Đồng Khởi	000.24.32.H53
6	Hảo Đức	000.25.32.H53
7	Hòa Hội	000.26.32.H53
8	Hòa Thạnh	000.27.32.H53
9	Long Vĩnh	000.28.32.H53
10	Ninh Điền	000.29.32.H53
11	Phước Vinh	000.30.32.H53
12	Thanh Điền	000.31.32.H53
13	Thái Bình	000.32.32.H53
14	Thành Long	000.33.32.H53

15	Trí Bình	000.34.32.H53
----	----------	---------------

2.2.4. UBND huyện Dương Minh Châu

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	Cơ quan chuyên môn thuộc, trực thuộc UBND huyện Dương Minh Châu	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	000.01.33.H53
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.02.33.H53
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.03.33.H53
4	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	000.04.33.H53
5	Phòng Nội vụ	000.05.33.H53
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.06.33.H53
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.33.H53
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.33.H53
9	Phòng Tư pháp	000.09.33.H53
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.33.H53
11	Phòng Y tế	000.11.33.H53
12	Thanh tra huyện	000.12.33.H53
II	Các xã, thị trấn thuộc UBND huyện Dương Minh Châu	
1	Thị Trấn	000.20.33.H53
2	Bàu Nặng	000.21.33.H53
3	Bến Cùi	000.22.33.H53
4	Cầu Khởi	000.23.33.H53
5	Chà Là	000.24.33.H53

6	Lộc Ninh	000.25.33.H53
7	Phan	000.26.33.H53
8	Phước Minh	000.27.33.H53
9	Phước Ninh	000.28.33.H53
10	Suối Đá	000.29.33.H53
11	Truong Mít	000.30.33.H53

2.2.5. UBND huyện Gò Dầu

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	Cơ quan chuyên môn thuộc, trực thuộc UBND huyện Gò Dầu	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	000.01.34.H53
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.02.34.H53
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.03.34.H53
4	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	000.04.34.H53
5	Phòng Nội vụ	000.05.34.H53
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.06.34.H53
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.34.H53
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.34.H53
9	Phòng Tư pháp	000.09.34.H53
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.34.H53
11	Phòng Y tế	000.11.34.H53
12	Thanh tra huyện	000.12.34.H53
II	Các xã, thị trấn thuộc UBND huyện Gò Dầu	
1	Thị Trấn	000.20.34.H53

2	Bầu Đôn	000.21.34.H53
3	Cầm Giang	000.22.34.H53
4	Hiệp Thạnh	000.23.34.H53
5	Phước Đông	000.24.34.H53
6	Phước Thạnh	000.25.34.H53
7	Phước Trạch	000.26.34.H53
8	Thanh Phước	000.27.34.H53
9	Thanh Đức	000.28.34.H53

2.2.6. UBND huyện Hòa Thành

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	Cơ quan chuyên môn thuộc, trực thuộc UBND huyện Hòa Thành	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	000.01.35.H53
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.02.35.H53
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.03.35.H53
4	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	000.04.35.H53
5	Phòng Nội vụ	000.05.35.H53
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.06.35.H53
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.35.H53
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.35.H53
9	Phòng Tư pháp	000.09.35.H53
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.35.H53
11	Phòng Y tế	000.11.35.H53
12	Thanh tra huyện	000.12.35.H53

II	Các xã, thị trấn thuộc UBND huyện Hòa Thành	
1	Thị trấn	000.20.35.H53
2	Hiệp Tân	000.21.35.H53
3	Long Thành Bắc	000.22.35.H53
4	Long Thành Nam	000.23.35.H53
5	Long Thành Trung	000.24.35.H53
6	Trường Hòa	000.25.35.H53
7	Trường Đông	000.26.35.H53
8	Trường Tây	000.27.35.H53

2.2.7. UBND huyện Tân Biên

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	Cơ quan chuyên môn thuộc, trực thuộc UBND huyện Tân Biên	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	000.01.36.H53
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.02.36.H53
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.03.36.H53
4	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	000.04.36.H53
5	Phòng Nội vụ	000.05.36.H53
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.06.36.H53
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.36.H53
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.36.H53
9	Phòng Tư pháp	000.09.36.H53
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.36.H53
11	Phòng Y tế	000.11.36.H53

12	Thanh tra huyện	000.12.36.H53
II	Các xã, thị trấn thuộc UBND huyện Tân Biên	
1	Thị trấn	000.20.36.H53
2	Hòa Hiệp	000.21.36.H53
3	Mỏ Công	000.22.36.H53
4	Tân Bình	000.23.36.H53
5	Tân Lập	000.24.36.H53
6	Tân Phong	000.25.36.H53
7	Thạnh Bắc	000.26.36.H53
8	Thạnh Bình	000.27.36.H53
9	Thạnh Tây	000.28.36.H53
10	Trà Vong	000.29.36.H53

2.2.8. UBND huyện Tân Châu

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	Cơ quan chuyên môn thuộc, trực thuộc UBND huyện Tân Châu	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	000.01.37.H53
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.02.37.H53
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.03.37.H53
4	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	000.04.37.H53
5	Phòng Nội vụ	000.05.37.H53
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.06.37.H53
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.37.H53
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.37.H53

9	Phòng Tư pháp	000.09.37.H53
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.37.H53
11	Phòng Y tế	000.11.37.H53
12	Thanh tra huyện	000.12.37.H53
II	Các xã, thị trấn thuộc UBND huyện Tân Châu	
1	Thị trấn	000.20.37.H53
2	Suối Dây	000.21.37.H53
3	Suối Ngô	000.22.37.H53
4	Tân Đông	000.23.37.H53
5	Tân Hà	000.24.37.H53
6	Tân Hiệp	000.25.37.H53
7	Tân Hòa	000.26.37.H53
8	Tân Hội	000.27.37.H53
9	Tân Hưng	000.28.37.H53
10	Tân Phú	000.29.37.H53
11	Tân Thành	000.30.37.H53
12	Thanh Đông	000.31.37.H53

2.2.9. UBND huyện Trảng Bàng

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	Cơ quan chuyên môn thuộc, trực thuộc UBND huyện Trảng Bàng	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	000.01.38.H53
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.02.38.H53
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	000.03.38.H53

4	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	000.04.38.H53
5	Phòng Nội vụ	000.05.38.H53
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.06.38.H53
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.38.H53
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.38.H53
9	Phòng Tư pháp	000.09.38.H53
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.38.H53
11	Phòng Y tế	000.11.38.H53
12	Thanh tra huyện	000.12.38.H53
II	Các xã, thị trấn thuộc UBND huyện Trảng Bàng	
1	Thị trấn	000.20.38.H53
2	An Hòa	000.21.38.H53
3	An Tịnh	000.22.38.H53
4	Bình Thạnh	000.23.38.H53
5	Đôn Thuận	000.24.38.H53
6	Gia Bình	000.25.38.H53
7	Gia Lộc	000.26.38.H53
8	Hưng Thuận	000.27.38.H53
9	Lộc Hưng	000.28.38.H53
10	Phước Chỉ	000.29.38.H53
11	Phước Lưu	000.30.38.H53

3. Mã định danh của đơn vị cấp 4

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	
1	Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	001.01.07.H53